

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2006/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2006***THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính  
đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở**

Thi hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, căn cứ quy mô và tính chất hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nội dung về chế độ tài chính đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở như sau:

**CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004.

2. Hoạt động tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý Nhà nước và Đại hội thành viên về việc thực hiện chế độ tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

## CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### I. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

#### 1. Quản lý vốn

##### 1.1. Vốn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bao gồm:

- a) Vốn điều lệ là số vốn góp của các thành viên được ghi trong điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.
- b) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản.
- c) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, Quỹ dự phòng tài chính.
- d) Lợi nhuận được để lại chưa phân phối.
- e) Vốn huy động.
- g) Vốn vay.
- h) Vốn dịch vụ ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- i) Vốn khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Trong quá trình hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải duy trì vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định do Chính phủ quy định đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

1.3. Vốn tự có của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

#### 2. Sử dụng vốn của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

2.1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được dùng vốn hoạt động của mình để phục vụ hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và phát triển vốn. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được mua, đầu tư vào tài sản cố định của mình theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn tự có cấp một và phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

2.2. Cho vay các thành viên, cho vay các hộ nghèo không phải là thành viên và cho vay những khách hàng có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định của pháp luật.

2.3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được dùng vốn điều lệ và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để góp vốn theo quy định của pháp luật.

2.4. Tham gia điều hòa vốn trong hệ thống.

2.5. Sử dụng cho mục tiêu khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm theo dõi toàn bộ tài sản và vốn hiện có, thực hiện hạch toán, mở sổ và ghi sổ kế toán theo đúng quy định của pháp luật kế toán, thống kê hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản, các khoản cho vay, nợ phải thu trong quá trình kinh doanh.

4. Định kỳ và khi kết thúc năm tài chính các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản và vốn hiện có. Xác định chính xác tài sản thừa, thiếu, tình hình công nợ, nợ quá hạn, nợ khó đòi, xác định nguyên nhân và trách nhiệm xử lý. Các trường hợp làm mất mát, hư hỏng tài sản phải xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

5. Bảo đảm an toàn và phát triển vốn: Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vốn theo quy định sau:

5.1. Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật.

5.2. Duy trì đầy đủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

5.3. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

5.4. Tham gia tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc tổ chức bảo đảm an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật.

5.5. Được hạch toán vào chi phí khoản dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động và sử dụng khoản dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5.6. Được hạch toán vào chi phí khoản trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định của Bộ Luật lao động và hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc

trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

6. Mọi tổn thất tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải được lập biên bản xác định mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý theo nguyên tắc sau:

6.1. Nếu tài sản tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể hoặc cá nhân thì đối tượng gây ra tổn thất phải bồi thường.

6.2. Tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

6.3. Sử dụng khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định tại điểm 5 mục I chương II Thông tư này.

6.4. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ.

7. Nhượng bán tài sản:

7.1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được nhượng bán tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh.

7.2. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản nhượng bán và chi phí nhượng bán tài sản được ghi nhận là một khoản thu nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

8. Thanh lý tài sản:

8.1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh.

8.2. Việc nhượng bán, thanh lý tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Lập hội đồng đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật, thẩm định giá trị tài sản.

b) Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý tài sản với giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản được ghi nhận là một khoản thu

nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

9. Đối với những tài sản Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với khách hàng.

## II. QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ

### 1. Quản lý doanh thu:

1.1. Doanh thu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bao gồm các khoản sau:

a) Thu từ hoạt động kinh doanh gồm: thu lãi cho vay khách hàng; thu lãi tiền gửi; thu lãi góp vốn; thu dịch vụ thanh toán và ngân quỹ; thu từ hoạt động kinh doanh khác.

b) Thu khác gồm: Thu nghiệp vụ ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; thu hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ chi phí theo quy định hiện hành; thu về các khoản vốn đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro; các khoản thu khác.

1.2. Điều kiện và thời điểm ghi nhận doanh thu:

a) Đối với hoạt động tín dụng: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định.

Đối với số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Đối với số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại không phải hạch toán thu nhập, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

b) Đối với thu lãi tiền gửi là số lãi phải thu trong kỳ.

c) Đối với lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn: được hạch toán khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

d) Đối với doanh thu từ hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán sau khi trừ (-) khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ) không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

1.3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được quyền miễn, giảm lãi tiền vay cho khách hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

1.4. Các khoản thu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phát sinh trong kỳ phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Chi phí của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bao gồm:

2.1. Chi phí hoạt động kinh doanh:

a) Chi phí phải trả lãi tiền gửi, lãi tiền vay.

b) Chi phí phải trả lãi cho nguồn vốn nhận ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

c) Chi phải trả khác cho hoạt động kinh doanh.

2.2. Chi phí cho cán bộ, nhân viên:

a) Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương cho cán bộ làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, bao gồm:

Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp cho thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; chi phụ cấp cho thành viên bán chuyên trách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Mức chi do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quyết định trên cơ sở Nghị quyết của đại hội thành viên.

Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho cán bộ nhân viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở căn cứ theo hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.

Hàng năm, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải đăng ký với cơ quan thuế (nơi đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp) về tổng quỹ lương và phụ cấp phải trả trong năm, căn cứ và phương thức trả lương.

b) Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn cho cán bộ làm

việc trực tiếp tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở mà người sử dụng lao động phải đóng góp theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Chi bảo hộ lao động đối với những đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc và chi trang phục giao dịch cho cán bộ nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo chế độ quy định.

d) Chi phí tiền ăn giữa ca cho người lao động do Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quy định phù hợp với hiệu quả kinh doanh, mức chi cho mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định đối với công chức Nhà nước.

đ) Chi trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định của pháp luật hiện hành.

### 2.3. Chi phí về tài sản.

a) Chi phí khấu hao tài sản cố định cho hoạt động kinh doanh, chi phí sửa chữa tài sản cố định thực hiện theo chế độ hiện hành về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính quy định đối với các doanh nghiệp.

b) Chi phí tiền thuê tài sản cố định hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh theo số tiền phải trả trong năm căn cứ vào hợp đồng thuê. Trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo số năm sử dụng tài sản. Đối với các khoản chi liên quan đến thuê đất không được trừ vào tiền thuê theo quy định của pháp luật Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng đất thuê.

c) Chi phí tiền mua bảo hiểm tài sản.

d) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản.

đ) Giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.

### 2.4. Chi phí dịch vụ mua ngoài:

a) Là các khoản chi phí vận chuyển, điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, công cụ lao động, phòng cháy chữa cháy, tư vấn, kiểm toán, chi công tác phí và các dịch vụ khác.

b) Các khoản chi trên phải có đầy đủ chứng từ hoặc hóa đơn hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

2.5. Các khoản chi phí bảo đảm an toàn cho hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở:

a) Chi trích lập dự phòng trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo quy định tại điểm 5 mục I Chương II của Thông tư này.

b) Chi phí tham gia Bảo hiểm tiền gửi hoặc tổ chức bảo đảm an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật.

c) Đóng phí tham gia hiệp hội ngành nghề trong nước theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản chi phí khác:

a) Chi phí đào tạo cán bộ nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bao gồm chi phí tổ chức các lớp đào tạo tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và chi phí cử cán bộ đi đào tạo tại các trường đào tạo.

b) Chi phí cho Tổ chức Đảng, đoàn thể tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức này, nếu nguồn kinh phí của tổ chức này không đủ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

c) Chi phí về nghiệp vụ kho quỹ.

d) Chi bảo vệ cơ quan.

đ) Chi cho việc thu hồi các khoản nợ quá hạn khó đòi.

+ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được chi cho các tổ chức có tư cách pháp nhân đã có đóng góp trong việc thu hồi các khoản nợ quá hạn khó đòi trên cơ sở công sức đóng góp và kết quả thu nợ do các tổ chức này đóng góp đem lại.

+ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xây dựng quy chế chi cho việc thu hồi các khoản nợ quá hạn khó đòi trình Hội đồng quản trị phê duyệt và công bố công khai các quy chế này. Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chịu trách nhiệm về các khoản chi này.

+ Mức chi cho các tổ chức có tư cách pháp nhân có đóng góp trong việc thu hồi các khoản nợ quá hạn khó đòi trong năm của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không được vượt quá 5% số nợ thu hồi. Mức chi thu hồi nợ tối đa đối với một món nợ không vượt quá 20 triệu đồng.

e) Chi thuê các tổ chức được phép thực hiện dịch vụ thu nợ theo quy định của pháp luật.

g) Chi phí cho khoản tổn thất tài sản còn lại sau khi đã bù đắp bằng các nguồn theo quy định tại điểm 6 mục I chương II của Thông tư này.



h) Chi phí cho hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.

i) Chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

k) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không thu được.

2.7. Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại, chi hoa hồng môi giới, chi phí hội nghị và các loại chi phí khác theo số thực chi và phải có hóa đơn hoặc chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính, gắn với kết quả kinh doanh. Mức chi tối đa không vượt quá 10% tổng số các khoản chi phí hợp lý từ khoản 2.1 đến khoản 2.6 của mục này.

2.8. Chi phí nộp thuế, phí, tiền thuê đất phải nộp có liên quan đến hoạt động kinh doanh (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp) bao gồm: thuế môn bài, thuế sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, thuế tài nguyên, lệ phí cầu phà, lệ phí sân bay, các loại thuế và lệ phí khác.

3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không được tính vào chi phí các khoản sau đây:

3.1. Các khoản tiền phạt vi phạm pháp luật do cá nhân gây ra không mang danh Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở như vi phạm: Luật giao thông, Luật thuế, Luật môi trường, Luật lao động, vi phạm chế độ báo cáo thống kê, tài chính kế toán và các luật khác.

3.2. Các khoản đầu tư xây dựng cơ bản, chi mua sắm tài sản cố định hữu hình và vô hình, chi ủng hộ cho các tổ chức, cá nhân.

3.3. Các khoản chi không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.

3.4. Các khoản thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ như khoản chi sự nghiệp đã được Ngân sách Nhà nước, cơ quan cấp trên hoặc các tổ chức khác tài trợ; chi trả lãi vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong thời kỳ công trình chưa hoàn thành, số lãi này được hạch toán vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.

3.5. Các khoản chi phí không hợp lý khác.

### III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

1. Phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sau khi bù đắp lỗ năm trước theo

quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được phân phối như sau:

1.1. Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5%, mức tối đa của Quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

1.2. Chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

1.3. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4. Lợi nhuận còn lại coi như 100% được phân phối tiếp như sau:

a) Trích lập Quỹ dự phòng tài chính 10%, số dư của Quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

b) Trích lập Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ tối thiểu 20%.

c) Trích lập 2 Quỹ khen thưởng và phúc lợi, mức trích cho 2 Quỹ này hàng năm do Hội đồng quản trị dự kiến, Đại hội thành viên xem xét phê duyệt.

d) Chia lãi vốn góp cho các thành viên. Mức chia lợi tức cổ phần cho các thành viên được căn cứ vào số vốn góp, do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở dự kiến, Đại hội thành viên xem xét quyết định hàng năm nhưng không vượt quá lãi suất cho vay bình quân trong năm của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

e) Số còn lại (nếu có) được dùng để bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.

2. Nguyên tắc sử dụng các Quỹ.

2.1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ dùng để bổ sung vốn điều lệ. Căn cứ vào nhu cầu tăng vốn điều lệ và số dư hiện có của Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Hội đồng quản trị dự kiến, trình Đại hội thành viên thông qua số tiền trích từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để bổ sung vốn điều lệ.

2.2. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.

2.3. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã bù đắp bằng tiền

bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng rủi ro đã trích trong chi phí.

#### 2.4. Quỹ khen thưởng dùng để:

Thưởng cuối năm hoặc thưởng định kỳ cho cán bộ, nhân viên trong Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Mức thưởng do Hội đồng quản trị Quỹ quyết định theo đề nghị của giám đốc và công đoàn (nếu có) của Quỹ trên cơ sở năng suất lao động, thành tích trong công tác của mỗi cán bộ, nhân viên trong Quỹ.

Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong kinh doanh. Mức thưởng do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quyết định.

Thưởng cho các thành viên của Quỹ; các đơn vị, cá nhân bên ngoài có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Mức thưởng do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quyết định.

#### 2.5. Quỹ phúc lợi dùng để:

Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng cho các công trình phúc lợi của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ nhân viên và thành viên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Đóng góp cho Quỹ phúc lợi xã hội.

Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên và thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Chi các hoạt động phúc lợi khác.

Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quy định việc quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi cho phù hợp với Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và giao Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phối hợp với Ban chấp hành công đoàn của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (nếu có) quản lý, sử dụng Quỹ này.

## IV. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp

luật, ghi chép đầy đủ chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán và phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện quyết toán tài chính và chấp hành đầy đủ các quy định về báo cáo tài chính, lập và gửi cho Sở Tài chính và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.

3.1. Báo cáo tài chính: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm lập và gửi đầy đủ các báo cáo tài chính sau:

a) Bảng cân đối kế toán của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

b) Báo cáo kết quả kinh doanh, tình hình thực hiện thu nộp ngân sách Nhà nước

3.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của các báo cáo này.

3.3. Thời hạn gửi báo cáo tài chính:

a) Báo cáo quý được gửi chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

b) Báo cáo năm được gửi chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Công tác kiểm toán.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tự tổ chức kiểm toán nội bộ để kiểm toán các báo cáo tài chính của mình phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, phạm vi và quy mô hoạt động của mình.

Việc kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

5. Công khai tài chính đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện chế độ công khai tài chính theo các quy định của pháp luật về kế toán.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện công khai tài chính với các cơ quan quản lý Nhà nước, các thành viên góp vốn, các tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

## V. KIỂM TRA, THANH TRA TÀI CHÍNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

1. Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính của mình, các Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành chế độ tài chính của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Việc kiểm tra tài chính được tiến hành theo các hình thức:

1.1. Kiểm tra tài chính định kỳ hoặc đột xuất.

1.2. Kiểm tra theo từng chuyên đề theo yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

Trong trường hợp nếu thấy cần thiết, Bộ Tài chính sẽ tiến hành kiểm tra việc chấp hành chế độ tài chính của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở theo yêu cầu của công tác quản lý tài chính Nhà nước.

2. Xử lý vi phạm.

2.1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có vi phạm chế độ tài chính của Nhà nước sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2.2. Trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định về chế độ báo cáo tài chính nêu tại điểm 3 mục IV chương II Thông tư này sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về kế toán.

### CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Thông tư này thay thế Thông tư số 97/2000/TT-BTC ngày 12/10/2000 và Thông tư số 17/2004/TT-BTC ngày 12/3/2004 của Bộ Tài chính.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Xuân Hà**